

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-PT

Ngày: 25-01-2021.

V/v: tranh chấp bồi thường
thiệt hại về tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Tô Hương.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Thành Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2020/TLPT-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST, ngày 30-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 191/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông A, sinh năm 1965 (có mặt).

+ Bà B, sinh năm 1964 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

+ Bà C, sinh năm 1956 (có mặt).

+ Ông D, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

+ Bà NLC 1, sinh năm 1962 (có mặt).

+ Bà NLC 2, sinh năm 1972 (vắng mặt).

+ Ông NLC 3, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

+ Bà NLC 4, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* các nguyên đơn ông A, bà B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/3/2020 và lời trình bày của các nguyên đơn ông A, bà B có nội dung như sau:*

Phần đất trồng lúa, diện tích 3.900m² thuộc thửa 517, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp H, xã Thạnh Trị của gia đình vợ chồng ông A, bà B, được Ủy ban nhân dân huyện Tr cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09-12-1992. Trong khi đang canh tác vụ lúa thời kỳ trở đồng trong vụ Đông Xuân năm 2013 - 2014 thì bị bà C và ông D (con bà C) dùng thuốc diệt cỏ phun, tạt vào ruộng lúa gây thiệt hại 100% trên diện tích là 780m² và 50% diện tích là 585m², hậu quả là ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng lúa khi thu hoạch, cụ thể: Bình quân tại địa phương một công tầm cày (1.300m²) đất thu hoạch được là 23 bao, trọng lượng 50kg/bao, tính giá lúa tươi 4.500 đồng/kg thì 03 công đất phải thu được sản lượng có giá trị 15.525.000 đồng, nhưng thực tế gia đình ông, bà chỉ thu hoạch được 47 bao lúa, bán lúa khô được 9.825.000 đồng, thiệt hại 5.700.000 đồng.

Nay ông A, bà B yêu cầu buộc bà C, ông D bồi thường thiệt hại tài sản bằng tiền là 5.700.000 đồng và tiền lãi là 6.150.300 đồng.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà C trình bày:*

Phần đất 03 công thuộc thửa số 517, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp H, xã Thạnh Trị là của vợ chồng ông A, bà B, nhưng đã chuyển nhượng cho ông F và bà NLC 1. Đến năm 2000 thì bà nhận chuyển nhượng lại của vợ chồng ông F và sử dụng đến vụ lúa Đông Xuân 2013 - 2014 thì bị vợ chồng ông A vào chiếm lại đất sử dụng. Trong khi chiếm đất, hai bên có cự cãi và phía vợ chồng ông A thách thức nên quá bức xúc, bà mang thuốc diệt cỏ định xịt vào ruộng nhưng chưa thực hiện, gia đình ông A có người ra ngăn cản, giận quá nên bà đứng trên bờ cầm gáo tạt thuốc diệt cỏ đã pha nước vào ruộng lúa nhưng lượng nước thuốc không nhiều và chỉ tạt gần bờ không gây ảnh hưởng đến ruộng lúa, nên bà không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông A, bà B.

- *Bị đơn ông D vắng mặt nhưng quá trình giải quyết Tòa án ghi lời khai, ông D có ý kiến như sau:*

Vụ lúa năm 2013 – 2014, ông A và bà B vào chiếm đất của mẹ ông sử dụng nên ông tức giận đem thuốc diệt cỏ định xịt vào ruộng nhưng khi đến thì gia đình ông A ngăn cản giật lấy bình, bẻ càng phun nên không có xịt được, mẹ ông bức xúc nên có đứng trên bờ ruộng tạt nước pha thuốc diệt cỏ vào ruộng nhưng không gây thiệt nên không đồng ý bồi thường.

- *Người làm chứng NLC 3 trình bày:* Ông không chứng kiến quá trình xịt thuốc tại ruộng lúa của vợ chồng bà B, nhưng giai đoạn thu hoạch lúa thì ông có tham gia cầm bao hứng lúa nên biết thửa đất bà B thu hoạch được 47 bao lúa.

- *Người làm chứng bà NLC 2 và bà NLC 1 trình bày:* Các bà có chứng kiến quá trình bà C và ông D mang thuốc chuẩn bị xịt vào ruộng lúa của vợ chồng bà B, nhưng ông D chưa thực hiện đã bị người nhà bà B ngăn cản, bẻ gãy càng phun nên bà C đứng trên bờ tạt nước thuốc diệt cỏ gần vị trí đứng. Riêng bà NLC 1 khai thêm là phần đất ruộng của ông A đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà năm 1994 và gia đình bà đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà C từ năm 2000.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST, ngày 30-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng, quyết định như sau:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 604, Điều 605 và Điều 608 của Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông A, bà B về bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 5.700.000 đồng và tiền lãi là 6.150.300 đồng đối với các bị đơn bà C và ông D.

2. Về án phí: Ông A và bà B được miễn nộp án phí. Hoàn trả cho ông A và bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 100.000 đồng theo biên lai thu số 001183 ngày 13/10/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tr.

Ngày 09-10-2020 các nguyên đơn ông A, bà B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại các Điều 285, 286. 294 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại các Điều 297, 298, 301, 302, 303, 305 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đơn kháng cáo của các nguyên đơn, sau cùng vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 45/2020/DS-ST, ngày 30-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông A và bà B làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông A và bà B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất số 517, diện tích 3.900m² thuộc tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp H, xã T, huyện Tr là của vợ chồng ông A, bà B đã được Ủy ban nhân dân huyện Tr cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09-12-1992 do ông A đứng tên.

[2.2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện vào ngày 11-01-1994 ông A, bà B đã chuyển nhượng cho ông F, bà G toàn bộ diện tích đất 3.900m² thửa số 517 với giá 06 chỉ vàng loại 24 kara, nhưng ông A và bà B cho rằng là cầm cố nên phát sinh tranh chấp. Năm 2011 ông A, bà B khởi kiện yêu cầu ông F trả lại phần đất đã cầm cố. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2012/DS-ST ngày 03/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tr tuyên xử: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B về việc xin chuộc lại phần đất trên. Sau đó ông A, bà B kháng cáo theo trình tự phúc thẩm. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 130/2012/DS-PT ngày 16/7/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định không chấp nhận kháng cáo của ông A và bà B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tr. Như vậy sự việc đã được xác định tại bản án dân sự phúc thẩm số 130/2012/DS-PT ngày 16/7/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xác định giao dịch của hai bên là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không H cầm cố. Tuy nhiên, bản án chưa tuyên buộc ông A, bà B có trách nhiệm giao đất cho ông F theo hợp đồng chuyển nhượng, trong khi nguồn gốc đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn do ông A đứng tên. Đến ngày 10-5-2018 tại bản án dân sự phúc thẩm số 90/2018/DS-TP mới tuyên buộc ông A, bà B có trách nhiệm giao trả đất cho ông F. Do vậy vào ngày 01/3/2014

bà C cùng con là D dùng thuốc diệt cỏ phun, tạt vào ruộng lúa do ông A, bà B canh tác đến thời điểm trở đồng là gây thiệt hại đến tài sản của ông A, bà B, nên ông A, bà B yêu cầu buộc bà C, ông D bồi thường thiệt hại là có cơ sở được chấp nhận.

Xét về lỗi và mức bồi thường thiệt hại nhận thấy: Theo biên bản sự việc về tranh chấp đất đai lập lúc 10 giờ 50 phút ngày 01/3/2014 (bút lục số 03); biên bản xác định thiệt hại diện tích lúa lập ngày 21/3/2014 (bút lục số 04); biên bản lấy lời khai ngày 21-11-2014 đối với bà C; tại tờ tường trình do bà C lập ngày 09-12-2014 và tại phiên tòa phúc thẩm thì bà C cũng thừa nhận là bà cùng với con là D có đem thuốc khai hoang ra phun, tạt phần lúa trên phần đất tranh chấp (bút lục số 29, 30), nên có cơ sở xác định thực tế có thiệt hại xảy ra, cụ thể thiệt hại 100% phần lúa trên diện tích là 780m² và 50% phần lúa trên diện tích là 585m².

+ Xét về lỗi: Tuy phần diện tích lúa bà C, ông D phun tạt thuốc diệt cỏ có nguồn gốc là của gia đình ông A, nhưng gia đình của ông A đã chuyển nhượng cho ông F từ năm 1994, đến năm 2000 thì ông F chuyển nhượng lại cho ông H là chồng của bà C và gia đình của bà C đã trực tiếp quản lý sử dụng đất trong một thời gian dài thì phía gia đình của ông A cũng không có ý kiến phản đối. Năm 2012 giữa ông A với ông F phát sinh tranh chấp thì vợ chồng ông A mới lấy lại đất canh tác, do vậy gia đình của ông A cũng có lỗi nên phải tự chịu trách nhiệm là 50%, gia đình bà C có lỗi và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại là 50%.

- Xét về mức bồi thường: Tại Công văn số 93 ngày 23-4-2020 của Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tr cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tòa án có nội dung: “giống lúa OM6976 vụ Đông – Xuân năng suất bình quân 7 tấn/ha lúa khô, tương đương 10,1 tấn lúa tươi. Giá lúa bình quân giao động từ 4.820 đồng - 5.090 đồng/kg (lúa tươi). Tại biên bản lấy lời khai ngày 15-01-2021 và tại phiên tòa ông A trình bày: năng suất bình quân 01 tấn/1000m². Do vậy căn cứ vào Công văn số 93 ngày 23-4-2020 của Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tr, xác định mức bồi thường như sau: 780m² x 4.500đồng/kg = 3.510.000đồng; 585m² x 4.500đồng/kg : 2 = 1.316.250 đồng. Tổng cộng là 4.826.250 đồng : 2 = 2.413.125 đồng. Như vậy, số tiền bà C, ông D bồi thường thiệt hại lúa vụ Đông Xuân năm 2013-2014 cho ông A, bà B là 2.413.125 đồng. Riêng việc ông A, bà B yêu cầu **buộc** bà C, ông D Phước bồi thường thiệt hại số tiền lãi phát sinh trên phần tài sản bị thiệt hại với số tiền 6.150.300 đồng là không có căn cứ.

Với những phân tích nêu trên, nhận thấy kháng cáo của ông A, bà B có một phần cơ sở được chấp nhận, nên cần phải sửa bản án sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm bị cải sửa, nên về án phí cũng phải sửa cho phù hợp. Tuy nhiên do ông A, bà B thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Do vậy ông A, bà B được miễn án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Do bà C là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[3] Với những phân tích nêu trên, nhận thấy đề nghị của vị Kiểm sát viên về việc áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không được chấp nhận.

[4] Về án dân sự phúc thẩm: các nguyên đơn không H chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của các nguyên đơn ông A, bà B.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST, ngày 30-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ Điều 604, Điều 605 và Điều 608 của Bộ luật dân sự năm 2005. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông A, bà B về việc bà C, ông D bồi thường thiệt hại trong vụ lúa Đông Xuân năm 2013 - 2014 do bà C, ông D dùng thuốc diệt cỏ phun, tạt vào ruộng lúa gây thiệt hại ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng lúa khi thu hoạch tương ứng số tiền bị thiệt hại là 2.413.125 đồng (hai triệu bốn trăm mười ba nghìn, một trăm hai mươi năm đồng).

Buộc bà C, ông D có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông A, bà B số tiền là 2.413.125 đồng (hai triệu bốn trăm mười ba nghìn, một trăm hai mươi năm đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, bà B về việc buộc bà C, ông D bồi thường thiệt hại trong vụ lúa Đông Xuân năm 2013 - 2014 do bà C, ông D dùng thuốc diệt cỏ phun, tạt vào ruộng lúa gây thiệt hại ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng lúa khi thu hoạch tương ứng số tiền bị thiệt hại là 3.286.875 đồng (ba triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi năm đồng) và số tiền lãi phát sinh trong vụ lúa Đông Xuân năm 2013 là 6.150.300 đồng (sáu triệu một trăm năm chục nghìn ba trăm đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông A và bà B được miễn nộp án phí. Hoàn trả cho ông A và bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 001183 ngày 13/10/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tr.

- Bà C là người cao tuổi nên được miễn án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn không H chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Tr;
- Chi cục THA huyện Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Tố Hương